

Số: 2578 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù;
Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỉ lệ hao mòn
tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 458/TTr-STC ngày 06/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỉ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung khác về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

4. Quyết định này không áp dụng với các cơ quan, đơn vị của Đảng, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả các tổ chức chính trị, xã hội), Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỉ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỉ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình: Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù: Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định này thực hiện việc kế toán, theo dõi, tính hao mòn và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh loại tài sản chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này hoặc cần điều chỉnh thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có văn bản gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên ngành có liên quan tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp quy định tại Điều 2 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH ^(b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Lê Huy

Phụ lục I

**DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN VÀ
TỈ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỈ LỆ HAO MÒN (%/năm)
I	Sản phẩm phần mềm*		
	- Phần mềm thương mại	5	20
	- Phần mềm nội bộ	8	12,5
II	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20

**Phân loại sản phẩm phần mềm theo quy định tại khoản 11, khoản 12 Điều 3 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật chuyển đổi số.*

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	DANH MỤC
I	Những tài sản không xác định được chi phí hình thành và không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật
I.1	Di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng
1	Di tích xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt
2	Di tích xếp hạng cấp quốc gia
3	Di tích xếp hạng cấp tỉnh
I.2	Di vật, cổ vật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên
1	Chất liệu kim loại
2	Chất liệu gốm, sứ
3	Chất liệu bằng gỗ
4	Chất liệu bằng giấy
5	Chất liệu bằng vải
6	Chất liệu phim ảnh
7	Chất liệu đá
8	Chất liệu khác
II	Các quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ
1	Nhãn hiệu Mật ong hoa nhãn Hưng Yên
2	Nhãn hiệu Rau an toàn Hưng Yên